

## LUYỆN TẬP

### A. MỤC TIÊU

- Củng cố kiến thức về các quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức.
- Học sinh thực hiện thành thạo phép nhân đơn, đa thức.

17

### B. GỢI Ý DẠY HỌC

Đầu giờ GV có thể cho HS phát biểu các quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức, chưa một số bài tập đã cho từ tiết trước.

Phân bài tập ở lớp cho HS giải ba trong sáu bài ở phần luyện tập, chẳng hạn bài số 10, 12, 13 hoặc 10, 11, 14 hoặc có thể cho các bài tập tương tự.

**Hoạt động 1.** Giải bài tập 10 SGK.

**Hoạt động 2.** Giải bài tập 11 SGK.

**Hoạt động 3.** Giải bài tập 14 SGK.

Cho HS nêu ra những vấn đề thường mắc sai lầm để rút kinh nghiệm. GV nhận xét ưu, nhược điểm của HS qua giờ luyện tập.

### C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP SGK

**10.** a)  $\frac{1}{2}x^3 - 6x^2 + \frac{23}{2}x - 15$ ;      b)  $x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3$ .

**11.** Sau khi rút gọn biểu thức ta được kết quả là hằng số  $-8$  nên giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến.

**12.** Thực hiện phép tính và rút gọn biểu thức đã cho ta được:  $-x - 15$ , thay số vào ta tính được :

- a)  $-15$ ;      b)  $-30$ ;      c)  $0$ ;      d)  $-15,15$ .

**13.**  $x = 1$ .

**14.** Gọi ba số chẵn liên tiếp là  $2a, 2a + 2, 2a + 4$  với  $a \in \mathbb{N}$ . Ta có :

$$(2a + 2)(2a + 4) - 2a(2a + 2) = 192$$

$$a + 1 = 24$$

$$a = 23. Vậy ba số đó là 46, 48, 50.$$

**15.** a)  $\frac{1}{4}x^2 + xy + y^2$ ;      b)  $x^2 - xy + \frac{1}{4}y^2$ .